

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 11-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Hai;
2. Bà Trần Thị Đẹp;
3. Ông Đặng Xuân Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1985 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; có vợ là Lê Thị H1, sinh năm 1988 và có 02 người con (sinh năm 2010 và năm 2012); tiền án: Tại Bản án số 304/2015/HS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 19/12/2016 đến nay; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo E: Ông Nguyễn Hoàng M, Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Thái Huỳnh B, sinh ngày 07/02/1996 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nơi tạm trú: Số X, ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Thái Tấn T1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị Cẩm B1, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 19/12/2016 đến nay; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo B: Bà Lê Thị L, Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thiên T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị hại: Công ty Liên doanh TNHH I, địa chỉ: Lô X, đường số Y, Khu Công nghiệp S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHENG YING S, chức vụ: Tổng Giám đốc; nơi cư trú: Số X, lầu Y, hẻm Z, đường K, khu B, thành phố T, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Mỹ P, sinh năm 1958; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc; nơi cư trú: Số X, đường T, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Hữu Thế T3, Luật sư của Công ty Luật TNHH A, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2; trụ sở: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T4, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số X, đường H, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, vắng mặt.

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ X, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bà Huỳnh Thị Cẩm B1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số X, ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: Số X, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Ông Lê Hữu H3, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố X, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Ông Lương Ngọc K, sinh năm 1960; địa chỉ: Số X, khu dân cư A, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương nhận được tin báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã D và Công ty Liên doanh TNHH I(sau đây gọi tắt là Công ty I) về việc Công ty I có địa chỉ tại

Lô X, đường số Y, Khu Công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương có xảy ra mất trộm tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã thành lập hội đồng khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết để điều tra làm rõ. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định các dấu vết như sau: Tại phòng họp của công ty phát hiện cửa sổ có khung chắn bằng inox có dấu vết cắt tạo thành một lỗ hổng có kích thước 0,5m x 0,6m, các thanh inox bị cắt, gấp vào nhau, vết cắt sắc, gọn, trên thành cửa sổ có nhiều vết cát, đất bám dính. Phía ngoài cửa sổ có dấu vết chân in trên đất của bốn cây, không rõ hình. Cách phòng họp 08m về hướng Đông Nam là phòng tài vụ, trên khung cửa bên trái hướng từ ngoài vào có nhiều dấu vết bị cạy phá, bên trong phòng phát hiện có hai tủ đựng hồ sơ, các ngăn tủ của ba bàn làm việc bị lục soát, một két sắt nhãn hiệu GUNN GARD bị cạy bung cửa.

Sau khi Công ty I kiểm tra đã trình báo tài sản bị mất trộm gồm: 20.000 (hai mươi nghìn) USD và 1.951.000.000 (một tỷ chín trăm năm mươi một triệu) đồng.

Ngày 02/6/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương quyết định khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” để điều tra truy tìm người thực hiện tội phạm.

Đến khoảng 21 giờ ngày 18/12/2016, tổ tuần tra đặc biệt của Công an thị xã D đang thực hiện công tác tuần tra phòng chống tội phạm trên địa bàn khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Thái Huỳnh B có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra thì B không xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân nên mời về trụ sở Công an thị xã D làm việc. Tại đây, B tự khai nhận hành vi cùng Nguyễn Hoàng E và Trần Văn T5 thực hiện vụ trộm cắp tài sản tại Công ty I vào ngày 31/5/2016. Đến ngày 19/12/2016, E đến Công an thị xã D khai báo hành vi cùng với B, T5 trộm cắp tài sản tại Công ty I. Cụ thể như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 31/5/2016, Trần Văn T5 điều khiển xe Exciter màu xanh (không rõ biển số) của T5 chở E, B đi tìm tài sản để chiếm đoạt rồi chia nhau tiêu xài, T5 chuẩn bị sẵn bao tay, kèm còng lực, mỏ lết. Khi đi đến đường số Y, Khu Công nghiệp S, T5 nhìn thấy bảo vệ gác cổng trước của Công ty I đang ngủ nên dừng xe nói B ở ngoài cảnh giới để T5, E trèo rào vào trong tìm tài sản lấy trộm thì tất cả đồng ý. T5 chở B, E qua bên phía cổng chính của công ty và dừng xe ở lề đường sát hàng rào để T5 và E trèo hàng rào vào bên trong, T5 dặn B khi nào lấy được tài sản ra ngoài sẽ gọi điện thoại cho B đến đón T5 và E.

Khi trèo tường rào vào bên trong công ty, T5 và E đều mang bao tay, T5 mang theo kèm còng lực và nhặt một cây xà beng bên trong công ty. E và T5 đi dọc theo tường đến khu văn phòng và dùng kèm còng lực cắt song cửa sổ phía sau bên khu văn phòng rồi trèo qua cửa sổ vào bên trong khu văn phòng, đi qua một phòng họp có bàn lớn đến dãy phòng làm việc, chỉ có 01 phòng trong dãy phòng này có khóa cửa nên T5 đưa cây xà beng cho E để cạy cửa vào bên trong,

thấy ở góc tường bên trái từ ngoài nhìn vào có một két sắt, T5 nói E đứng ngoài hành lang canh chừng, T5 đi vào bên trong tìm tài sản. Khoảng 05 phút sau, T5 gọi E vào giúp T5 hạ két sắt nằm ngửa xuống nền nhà, E lấy hai tấm nệm trên ghế salon lót xuống nền nhà rồi cùng T5 hạ két sắt xuống để không phát ra tiếng động lớn. Sau đó, E tiếp tục đi ra ngoài hành lang đứng canh chừng bảo vệ còn T5 dùng xà beng, kèm công lực phá két sắt. Khoảng 30 phút sau, T5 phá được két sắt, T5 cùng E lấy tiền cho vào túi nilon và cùng nhau mang xà beng, kèm công lực trèo ra ngoài. Khi ra được bên ngoài công ty, T5 gọi điện thoại cho B đến đón, T5 đưa túi tiền cho B giữ và điều khiển xe chở B ngồi giữa, E ngồi sau rồi cùng tẩu thoát về nhà trọ của T5 tại khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. T5 chia cho E, B mỗi người 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, T5 nói với E và B rằng T5 được 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Sau đó, E về đưa cho vợ là Lê Thị H1 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và nói là tiền T5 cho mượn, số còn lại tiêu xài hết. B sử dụng số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng mua một xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số: 83E1-114.X nhờ mẹ là Huỳnh Thị Cẩm B1 đứng tên trên hợp đồng ủy quyền và sử dụng được khoảng 01 tuần rồi bán lại cho Trần Văn H4, số tiền còn lại B tiêu xài cá nhân.

Căn cứ Công văn số 1149/BDU3 ngày 16/10/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương về xác định tỷ giá USD ngày 31/5/2016: 20.000 (hai mươi nghìn) USD trị giá 438.540.000 (bốn trăm ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị mất trộm theo như Công ty I khai báo là: 20.000 (hai mươi nghìn) USD trị giá 438.540.000 (bốn trăm ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng và 1.951.000.000 (một tỷ chín trăm năm mươi một triệu) đồng, tổng cộng là: 2.391.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu) đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SONY, loại E2312, vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Hoàng E, E sử dụng số tiền trộm cắp tài sản để mua điện thoại này.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng E và Thái Huỳnh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với hành vi của Trần Văn T5, ngày 26/7/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương ra quyết định khởi tố bị can nhưng do T5 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ra quyết định truy nã, khi bắt được sẽ tiếp tục điều tra, xử lý.

Đối với bà Lê Thị H1 (là vợ của E) không biết số tiền E đưa để sử dụng là tiền do phạm tội mà có. Bà Huỳnh Thị Cẩm B1 (là mẹ của B) không biết xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số: 83E1-114.X B nhờ đứng tên dùm là do sử dụng tiền phạm tội để mua nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương không xử lý.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 23/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định: Truy tố các bị can Nguyễn Hoàng E, Thái Huỳnh B ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngày 25/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 04/2018/HSST-QĐ.

Bản kết luận điều tra bổ sung số 06 ngày 01/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Dương đã xác định: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2 chưa đăng ký giải thể và người đại diện theo pháp luật là ông Phan Văn T4 không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở; Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 07/ĐT.18 ngày 22/02/2018 của Trung tâm Pháp y Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị cáo B có độ tuổi từ trên 23 đến dưới 25 tuổi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố. Tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Tổng giá trị tài sản mà Công ty I bị trộm cắp là 2.391.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu) đồng. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án, Trần Văn T5 là người chủ mưu, chỉ đạo các bị cáo B, E thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên hiện nay T5 đã bỏ trốn. Các bị cáo B, E mỗi bị cáo được chia 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, bị cáo E có vai trò tích cực hơn bị cáo B. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo E tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo B, E sau khi phạm tội đã tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), nay là điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo B mức hình phạt từ 10 (mười) năm đến 12 (mười hai) năm tù, bị cáo E mức hình phạt từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo E phạm tội trong thời gian thử thách án treo nên cần tổng hợp hình phạt 10 (mười) tháng tù của Bản án số 304/2015/HS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T đối với bị cáo. Đối với Lê Thị H1 không biết số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng do bị cáo E đưa là tiền do phạm tội mà có, bà Lê Thị Cẩm B1 thay bị cáo B đứng tên trên hợp đồng ủy quyền đối với xe mô tô nhưng không biết B sử dụng tiền do phạm tội mà có để mua, cơ quan điều tra không xử lý đối với bà H1 và bà B1 là đúng quy định. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu dành quyền khởi kiện cho bị hại đối với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2 bằng một vụ án dân sự khác, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bị hại. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu sung

quỹ nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo E do E mua bằng tiền trộm cắp được mà có. Đề nghị tuyên buộc các bị cáo B, E mỗi bị cáo nộp lại số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng và buộc bà Lê Thị H1 nộp lại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo B, E khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý với quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo E trình bày: Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc đại diện Viện Kiểm sát xác định số tiền mà bị hại bị chiếm đoạt là 2.391.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu) đồng để đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp, vì bị hại không chứng minh được số tiền bị chiếm đoạt. Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung nhưng bị hại vẫn không chứng minh được số tiền bị chiếm đoạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Huỳnh B trình bày: Chưa có căn cứ để xác định số tiền thực tế mà bị hại bị chiếm đoạt, vì tại Công ty I không có camera quan sát. Trên cơ sở lời khai của các bị cáo thì thiệt hại xác định được là 820.000.000 (tám trăm hai mươi triệu) đồng. Bị cáo B có vai trò thấp nhất, không trực tiếp vào trong Công ty I lấy tiền mà chỉ điều khiển xe đến đón T5, E. Bị cáo B mới học đến lớp 7 nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế, không được sự quan tâm, định hướng của cha mẹ nên bị lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt thấp nhất đối với bị cáo với mức từ 07 (bảy) năm đến 12 (mười hai) năm tù.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất với nội dung luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo B cho rằng bị cáo B mới học đến lớp 7 nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế là chưa phù hợp, vì tại thời điểm phạm tội bị cáo đã thành niên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận mỗi bị cáo được chia số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, bị hại đã cung cấp các tài liệu chứng minh số tiền mà bị hại bị chiếm đoạt và đề nghị tách phần trách nhiệm dân sự để giải quyết bằng một vụ án khác nên không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Về mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo B, E là chưa nghiêm khắc, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo vì bị cáo E có tiền án, tái phạm, hành vi của các bị cáo B, E đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bị hại cũng thống nhất với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát buộc các bị cáo và bà Lê Thị H1 nộp lại số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước vì phần trách nhiệm dân sự, bị hại đã yêu cầu tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Bị cáo E nói lời sau cùng: Bị cáo đã rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo B nói lời sau cùng: Thời gian bị tạm giam, bị cáo đã rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Bình Dương, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 31/5/2016, Nguyễn Hoàng E và Thái Huỳnh B đã cùng với Trần Văn T5 (hiện đang bỏ trốn) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty Liên doanh TNHH I tại địa chỉ Lô X, đường số Y, Khu Công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Trong đó, T5, E là người trực tiếp vào bên trong công ty thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, B ở ngoài quản lý phương tiện để chở T5, E tẩu thoát. Tài sản bị chiếm đoạt theo như khai báo của Công ty I là 20.000 (hai mươi nghìn) USD và 1.951.000.000 (một tỷ chín trăm năm mươi một triệu) đồng, tổng giá trị là: 2.391.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu) đồng. E và B mỗi người được T5 chia cho số tiền là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, còn T5 nói với E và B rằng T5 được số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty I là trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm

2009). Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo B, E (bút lục số 03, 07, 08, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 128, 129, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 179, 180, 181, 182, 183, 184) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì trong tổng số tiền bị chiếm đoạt, các bị cáo E, B mỗi bị cáo chỉ được chia số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, T5 nói với các bị cáo rằng T5 được số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, hiện nay T5 đã bỏ trốn. Mặc dù quá trình điều tra, bị hại là Công ty I đã cung cấp các tài liệu để chứng minh tổng số tiền mà công ty bị chiếm đoạt là 2.391.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu) đồng. Tuy nhiên, các tài liệu này chỉ mang tính chất liệt kê, không đủ căn cứ để xác định thực tế số tiền có trong kết sắt bị chiếm đoạt có đúng với số tiền mà đại diện bị hại đã liệt kê hay không vì không có căn cứ để xác định việc đưa tiền vào và lấy tiền ra từ kết sắt của bị hại. Như vậy, ngoài lời khai của các bị cáo T5, E không còn căn cứ nào khác để xác định số tiền bị chiếm đoạt như bị hại khai báo. Do đó, trong vụ án chỉ có căn cứ xem xét, xử lý các bị cáo đối với số tiền chiếm đoạt là 820.000.000 (tám trăm hai mươi triệu) đồng. Đối với số tiền còn lại theo như bị hại khai báo, khi bắt được Trần Văn T5 sẽ tiếp tục điều tra để xác định. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xác định số tiền các bị cáo B, E chiếm đoạt là 2.391.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu) đồng là chưa có căn cứ.

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử xét thấy, khung hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cao hơn khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với các bị cáo.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương tình hình mất trộm tài sản của các doanh nghiệp ngày càng gia tăng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hoàng E từng bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo Thái Huỳnh B đã tự thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Nguyễn Hoàng E đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo E, về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo B và mức hình phạt đề nghị áp dụng cho các bị cáo là phù hợp. Riêng đối với đề nghị áp dụng tình tiết tự thú cho bị cáo E là chưa phù hợp vì khi bị cáo B khai ra hành vi của bị cáo E thì bị cáo E mới thừa nhận hành vi phạm tội.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo E về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung số tiền bị hại bị chiếm đoạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 25/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ số tiền bị hại bị chiếm đoạt. Bị hại đã cung cấp các tài liệu để chứng minh. Các tài liệu này đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận định như đã nêu trên. Ngoài ra, bị hại không thể cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, do đó việc tiếp tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không cần thiết. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo E là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo B về việc xác định số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 820.000.000 (tám trăm hai mươi triệu) đồng làm căn cứ khi quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Đối với đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo B thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là chưa phù hợp.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là chưa phù hợp.

[6]. Bị cáo Nguyễn Hoàng E đang chấp hành hình phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng theo Bản án hình sự sơ thẩm số 304/2015/HS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng đến ngày 31/5/2016, bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước đối với bị cáo E.

[7]. Đối với hành vi của Trần Văn T5 là đồng phạm với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hiện nay T5 đã bỏ trốn nên cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, khi bắt được sẽ tiếp tục điều tra, xử lý là đúng quy định.

Đối với hành vi của Lê Thị H1 (là vợ của bị cáo E) không biết số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng mà E giao cho là tiền do phạm tội mà có; bà Huỳnh Thị Cẩm B1 đứng tên trên hợp đồng ủy quyền mua xe mô tô thay cho bị cáo B nhưng không biết tiền mua xe là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý về trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của Công ty I không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền mà công ty bị chiếm đoạt mà yêu cầu được dành quyền khởi kiện về dân sự đối với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần trách nhiệm dân sự ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu. Công ty I có quyền khởi kiện Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2 bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[9]. Về xử lý vật chứng: Một điện thoại di động nhãn hiệu SONY, loại E2312, vỏ màu đen thu giữ của bị cáo E, tài sản này do E sử dụng tiền trộm cắp được để mua nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng bị cáo E giao cho bà Lê Thị H1 là tiền do phạm tội mà có. Do đó, buộc bà H1 nộp lại số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị buộc các bị cáo B, E mỗi bị cáo nộp lại số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng vào ngân sách Nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bị cáo còn liên quan đến Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2, do đó đề nghị này của đại diện Viện Kiểm sát là không phù hợp.

[10]. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng E, Thái Huỳnh B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng E 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T, buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2016 (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 18/4/2015 đến ngày 18/9/2015).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Thái Huỳnh B 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tách phần trách nhiệm dân sự ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu. Công ty I có quyền khởi kiện Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ H2 bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SONY, loại E2312, vỏ màu đen của bị cáo Nguyễn Hoàng E (vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2017).

Buộc bà Lê Thị H1 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hoàng E, Thái Huỳnh B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- | | |
|---|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; | 2 |
| - Phòng PV 27 Công an tỉnh BD; | 1 |
| - CQCSĐT CA tỉnh BD; | 1 |
| - Cục THADS tỉnh BD; | 1 |
| - Bị cáo; | 2 |
| - Bị hại; | 1 |
| - Người bào chữa; | 2 |
| - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; | 1 |
| - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan | 3 |
| - Người làm chứng; | 3 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính – Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn

